

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN NHI

Số: 1321/BVSN-TCU

V/v mời chào giá vật tư, hóa chất vi sinh của
Bệnh viện Sản nhi tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 11 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư, hóa chất vi sinh của Bệnh viện Sản nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuấn, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 18 tháng 11 năm 2024 đến trước 10h00 ngày 28 tháng 11 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm vật tư, hóa chất vi sinh:

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I. Hóa chất, chế phẩm và trang thiết bị y tế chẩn đoán invitro dùng cho trang thiết				
1. Hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm định danh vi khuẩn VITEK 2				
1	Thẻ định danh vi khuẩn Gram (+)	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương. Thẻ gồm ≥ 43 thử nghiệm sinh hóa. Sử dụng được với máy VITEK 2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	800
2	Thẻ định danh vi khuẩn Gram (-)	Thẻ để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. Thẻ	Thẻ	800

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		gồm ≥ 47 thử nghiệm sinh hóa. Sử dụng được với máy VITEK 2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		
3	Thẻ định danh các loài nấm	Thẻ định danh nấm men và các vi sinh vật tương tự nấm men. Thẻ gồm ≥ 46 thử nghiệm sinh hóa. Sử dụng được với máy VITEK 2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	40
4	Thẻ định danh Neisseria/Haemophilus	Thẻ định danh Neisseria-Haemophilus để định danh vi khuẩn khó mọc. Thẻ gồm ≥ 30 thử nghiệm sinh hóa. Sử dụng được với máy VITEK 2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	60
5	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram (+)	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Sử dụng được với máy VITEK 2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	800
6	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram (-)	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Sử dụng được với máy VITEK 2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	800
7	Thẻ kháng sinh đồ nấm	Thẻ làm kháng sinh đồ nấm. Mỗi thẻ chứa chất kháng nấm chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Sử dụng được với máy VITEK 2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	40
8	Nước muối 0.45%	Nước muối 0.45% để pha huyền dịch vi khuẩn cho mẫu xét nghiệm dùng được với máy VITEK2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001. Chai ≥ 500ml.	Chai	15
9	Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) kích thước 12 mm x 75 mm. Dùng một lần, sử dụng được với máy VITEK 2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Ống	4.000
2. Hóa chất, vật tư dùng cho máy cấy máu BacT/ALERT BioMerieux				
10	Chai cấy máu chứa hạt polymer hấp phụ phát hiện vi khuẩn và nấm từ máu dùng cho bệnh nhân là trẻ em	Chai cấy máu cấu tạo bằng polycarbonate, nắp màu vàng, chứa môi trường và 1.6g hạt polime hấp phụ, phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện từ máu. Sử dụng được với hệ thống cấy máu BacT/ALERT. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chai ≥ 30ml.	Chai	2.000
11	Bộ căn chuẩn máy cấy máu	Bộ căn chuẩn máy cấy máu. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Hộp	1
12	Bộ căn chuẩn ô cấy máu	2 ống chuẩn/ bộ, ống BacT/ALERT phản xạ tiêu chuẩn A, ống BacT/ALERT phản xạ tiêu chuẩn B.	Bộ	1
3. Hóa chất sử dụng cho Máy đo pH/mV/C				
13	Chất chuẩn đo pH 4.01	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	500
14	Chất chuẩn đo pH 7.01	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	500
15	Dung dịch rửa điện cực	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	500
16	Dung dịch bảo quản điện cực Kali Clorua 3.5 Mol	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	ml	500
II. Hóa chất, chế phẩm và trang thiết bị y tế chẩn đoán invitro không dùng cho trang thiết bị y tế sử dụng tại cơ sở y tế				
1. Khoanh giấy kháng sinh đồ và mẫu chuẩn, chủng chuẩn				
17	Khoanh giấy kháng sinh đồ các loại	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Khoanh	7.500
18	Khoanh giấy Oxidase	Khoanh giấy phát hiện nhanh enzyme cytochrome oxidase (Oxidase) ở vi khuẩn. Khoanh giấy đường kính 6mm tẩm N,N,N',N'-tetramethyl-1,4-phenylenediamine. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Khoanh	1.000
19	Khoanh giấy định danh Optochin	Khoanh giấy tẩm Optochin (ethylhydrocuprein hydrochloride) để phân	Khoanh	250

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		biệt Streptococcus pneumonia. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		
20	Khoanh giấy định danh Haemophilus spp các loại	Khoanh giấy tâm yếu tố X/yếu tố V /yếu tố X+V để phân biệt Haemophilus spp. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Khoanh	1.000
21	Chủng chuẩn Enterobacter hormaechei	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
22	Chủng chuẩn Enterococcus casseliflavus	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
23	Chủng chuẩn Escherichia coli	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	2
24	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	3
25	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC BAA-977	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
26	Chủng chuẩn Haemophilus Influenzae	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	2
27	Chủng chuẩn Streptococcus pyogenes ATCC 19615	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
28	Chủng chuẩn Streptococcus pneumoniae ATCC 49619	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
29	Chủng chuẩn Staphylococcus saprophyticus ATCC BAA-750	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
30	Chủng chuẩn Eikenella corrodens ATCC BAA - 1152	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
31	Chủng chuẩn Steno .maltophilia ATCC 17666	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
32	Chủng chuẩn Candida albicans	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	ATCC 14053	định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.		
33	Chủng chuẩn Candida parasilosis ATCC 22019	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
34	Chủng chuẩn Candida krusei ATCC 6258	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
35	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
36	Ổng lưu giữ chủng chuẩn	Ổng môi trường bảo quản chủng vi sinh vật. Mỗi ống chứa các hạt có thể kết dính các vi sinh vật và dung dịch bảo quản lạnh ưu trương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001. Hộp ≥ 64 ống.	Hộp	2
2. Thạch bột nuôi cấy và môi trường đồ sẵn				
37	Môi trường thạch máu cơ bản	Môi trường mục đích chung phát hiện các phản ứng tan huyết đặc trưng khi môi trường được bổ sung với máu vô trùng khử fibrin. Thành phần tối thiểu bao gồm: Peptone mixture, Yeast extract, D-Glucose, Agar, pH: 7,3 ± 0.2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 500g.	Hộp	5
38	Môi trường phân lập vi khuẩn đường ruột	Môi trường chọn lọc để kiểm tra vi khuẩn trong mẫu bệnh phẩm và thực phẩm. Thành phần tối thiểu bao gồm: Peptone, Lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal violet, Agar, pH 7.1 ± 0.2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 500g.	Hộp	5
39	Môi trường đặt kháng sinh đồ	Môi trường làm kháng sinh đồ. Thành phần tối thiểu bao gồm: Beef infusion from, Casein hydrolysate, Starch, pH: 7.3 ± 0.1. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 500g.	Hộp	1
40	Môi trường phân lập salmonella shigella	Môi trường chọn lọc phân lập mầm bệnh đường ruột. Thành phần tối thiểu bao gồm: Beef extract, Peptone, Lactose, Sodium thiosulphate, Ferric ammonium citrate, Bile salts, Trisodium citrate, Neutral red, Agar, pH cuối: 7.4 ± 0.2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 500g.	Hộp	2
41	Môi trường phân lập nấm	Môi trường nuôi cấy nấm. Thành phần tối thiểu bao gồm: Peptone, D-Glucose, Agar, pH cuối: 5.3 ± 0.2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 500g.	Hộp	1
42	Môi trường hiển thị màu vi khuẩn đường niệu	Môi trường nuôi cấy sinh màu để định danh và phân biệt các vi sinh vật chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu. Thành phần tối thiểu bao gồm: Peptone, Chromogenic mix, Agar, pH: 6.8 ± 0.2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 400g.	Hộp	5
43	Bộ thuốc nhuộm Gram	Bộ nhuộm gồm ≥ 4 chai: Crystal Violet, Lugol, Safranin, Decolor. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chai ≥ 250ml.	Bộ	50
44	Đĩa thạch pha sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C. Bao gói bằng màng Cellophane hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.	Hộp	500
45	Môi trường pha sẵn được sử dụng	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó	Hộp	500

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria spp. và Haemophilus	mọc, đặc biệt Neisseria spp. và Haemophilus. pH: 7.3 ±0.2 ở 25°C. Bao gói bằng màng Cellophane hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.		
46	Môi trường pha sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khó mọc	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn không khó mọc; pH: 7.3±0.2 ở 25°C. Bao gói bằng màng Cellophane hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.	Hộp	30
47	Thạch Mueller Hinton + 5% sheep blood	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn khó mọc; pH: 7.3±0.2 ở 25°C. Bao gói bằng màng Cellophane hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.	Hộp	30
48	Thạch làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn Hemophilus Influenza	Môi trường được sử dụng cho phương pháp thử nghiệm nhạy cảm với kháng sinh của Haemophilus species, pH: 7.3 ±0.2 ở 25°C. Bao gói bằng màng Cellophane hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.	Hộp	50
49	Môi trường sinh màu dùng cho phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B ở phụ nữ mang thai và trẻ em sơ sinh	Đĩa thạch dùng sẵn để phân lập và xác định nhóm liên cầu B. Thành phần tối thiểu bao gồm: Peptone and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Growth factors mix, Selective mix, Agar. pH: 7,3± 0,2 ở 25°C. Bao gói bằng màng Cellophane hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.	Hộp	200
50	Môi trường canh thang tăng sinh chọn lọc liên cầu B	Môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS). Thành phần tối thiểu bao gồm: Infusion from 450 g fat-free minced meat, Tryptone, Glucose, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Disodium phosphate. pH: 7,8± 0,2 ở 25°C. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥10 ống.	Hộp	200
III. Hoá chất, vật tư khác				
51	Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi dùng cho kính hiển vi Olympus. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	ml	2.000

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Nt; SYTON (đăng tài)
- Lưu: VT, TCU



Bùi Minh Cường

**PHỤ LỤC
BÁO GIÁ**

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền(11) (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
3												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))